

Hướng dẫn soạn Unit 2 Language focus 2 Tiếng Anh 6 Friends Plus, giải bài tập Language focus 2 Unit 2 sách Tiếng Anh 6 Friends Plus.

## Giải bài tập Tiếng Anh 6 Unit 2 Language focus 2

Thực hiện các yêu cầu của SGK khi [giải bài tập Tiếng Anh 6 Chân trời sáng tạo](#) trang 29 về thì hiện tại đơn: câu hỏi và câu đơn.

### Present simple: questions (Thì hiện tại đơn: câu hỏi)

#### Exercise 1

**Match questions 1-5 with answers a-e. Then choose the correct words in Rules 1-4.**  
(Nối câu hỏi 1-5 với câu trả lời a-e. Sau đó chọn từ đúng trong Quy tắc 1-4.)

1. What presents do you prefer?
  2. Where do you eat?
  3. Who does she invite?
  4. Does the lion stop at all of the restaurants?
  5. Do you like fireworks?
- a. No, I don't.
  - b. I prefer lucky money.
  - c. At my grandmother's house.
  - d. Yes, it does.
  - e. All the family.

#### **RULES**

1. We use do and does / are and is when we make present simple questions with regular verbs.
2. We add / don't add -s to the he, she and it forms of regular verbs in questions.
3. We put question words (Where, What, Who, When, etc.) at the beginning/ end of the question.
4. We use forms of be / do in short answers with regular verbs.

## Trả lời

1 - b

=> What presents do you prefer?

- I prefer lucky money.

2 - c

=> Where do you eat?

- At my grandmother's house.

3 - e

=> Who does she invite?

- All the family.

4 - d

=> Does the lion stop at all of the restaurants?

- Yes, it does.

5 - a

=> a. Do you like fireworks?

- No, I don't.

## RULES (Quy tắc)

1. We use do and does when we make present simple questions with regular verbs. *(Chúng ta sử dụng do và does khi chúng ta đưa ra các câu hỏi đơn giản với các động từ thông thường.)*

2. We don't add -s to the he, she and it forms of regular verbs in questions. *(Chúng ta không thêm -s vào he, she và nó tạo thành các động từ thông thường trong câu hỏi.)*

3. We put question words (Where, What, Who, When, etc.) at the beginning of the question. *(Chúng ta đặt các từ nghi vấn (where, what, who, when, v.v.) ở đầu câu hỏi.)*

4. We use forms of do in short answers with regular verbs. *(Chúng ta sử dụng các hình thức "do" trong câu trả lời ngắn với động từ thông thường.)*

## Exercise 2

**Choose the correct words.** (Chọn từ đúng.)

1. **Do / Does** you get up at 6 a.m.?
2. Who **are / do** you see at the weekend?
3. **Does / Do** your dad watch TV in the evening?
4. What do you **has / have** for breakfast on weekdays?
5. Where **is / does** your family go in the holidays?

### Trả lời

1. Do

=> Do you get up at 6 a.m.?

2. do

=> Who do you see at the weekend?

3. Does

=> Does your dad watch TV in the evening?

4. have

=> What do you have for breakfast on weekdays?

5. does

=> Where does your family go in the holidays?

## Exercise 3

**Look at exercise 2. Complete the Key Phrases. Add more words to the list.** (Nhìn bài tập 2. Hoàn thành Key Phrases. Thêm các từ vào danh sách.)

### KEY PHRASES

Time expressions

1. .... the holidays / the summer / the evening/...

2. .... 6 a.m./2.30 p.m. / ...
3. .... weekdays / Monday / Tuesday ...
4. .... the weekend, New Year...

### Trả lời

1. in 2. at 3. on 4. at

### KEY PHRASES (Các cụm từ quan trọng)

Time expressions (Cụm từ chỉ thời gian)

1. in the holidays / the summer / the evening/...

(vào kỳ nghỉ/ mùa hè/ buổi tối/...)

2. at 6 a.m./2.30 p.m. / ...

(lúc 6 giờ sáng/ 2:30 chiều/...)

3. on weekdays / Monday / Tuesday/ ...

(vào các ngày trong tuần/ thứ Hai/ thứ Ba/...)

4. at the weekend, New Year...

(vào cuối tuần/ Năm Mới/...)

### Exercise 4

**Work in pairs. Have a question competition. Write questions with words from the grid. How many questions can you make in five minutes?** *(Làm việc theo cặp. Có một cuộc thi câu hỏi. Viết câu hỏi với các từ trong ma trận. Bạn có thể đặt bao nhiêu câu hỏi trong năm phút?)*



## Trả lời

- Where do you live? (Bạn sống ở đâu?)
- Where does your best friend live? (Người bạn thân nhất của bạn sống ở đâu?)
- Do your parents like cooking? (Bố mẹ bạn có thích nấu ăn không?)
- Does your teacher like cooking? (Giáo viên của bạn có thích nấu ăn không?)
- How often do you help at home? (Bạn thường giúp việc nhà như thế nào?)
- How often does your friend help at home? (Bạn thân nhất của bạn thường giúp việc nhà như thế nào?)
- When do you celebrate? (Khi nào bạn tổ chức kỷ niệm?)
- When does your teacher celebrate? (Khi nào cô giáo của bạn tổ chức lễ kỷ niệm?)
- When do you go to bed? (Khi nào bạn đi ngủ?)
- When does your best friend go to bed? (Bạn thân của bạn đi ngủ khi nào?)

## Simple sentences (Câu đơn)

### Exercise 5

**Choose the correct word.** (*Chọn từ đúng.*)

A simple sentence consists of one / two independent clause(s). Choose and tick (✓) the simple sentences. (Chọn và đánh dấu (✓) câu đơn)

1. I prefer lucky money.
2. I like reading, but she likes chatting online.
3. She loves oranges but hates apples.
4. She and I eat apples.
5. She plays football, and he likes it.

## Trả lời

A simple sentence consists of one independent clause. (Câu đơn gồm có một mệnh đề độc lập.)

1. I prefer lucky money.

(✓)

(Tôi thích tiền mì xì hơn.)

2. I like reading, but she likes chatting online.

(Tôi thích đọc sách, nhưng cô ấy thích trò chuyện qua mạng.)

3. She loves oranges but hates apples.

(Cô ấy thích cam nhưng ghét táo.)

4. She and I eat apples.

(✓)

(Cô ấy và tôi ăn táo.)

5. She plays football, and he likes it.

(Cô ấy chơi bóng đá, và anh ấy thích bóng đá.)

### Exercise 6. Use it!

**Work in pairs. Complete questions 1-7 with time expressions from the Key Phrases. Ask and answer the questions.** (*Thực hành! Làm việc theo cặp. Hoàn thành câu hỏi 1-7 với cụm từ chỉ thời gian từ phần Key Phrases. Hỏi và trả lời các câu hỏi.*)

1. What ... do ... ?

2. Who ... go out with ... ?

3. What time... get up/go to bed...?

4. What TV programmes... your dad watch ... ?

5. When .... do your homework...?

6. How ... your mum relax ...?

7. Where... go ... ?

A: What do you do at the weekend? (Bạn thường làm gì vào cuối tuần?)

B: I usually visit friends and watch TV. (Tôi thường thăm bạn bè và xem tivi.)

### Trả lời

A: What do you always do in the morning?

B: I always get up and brush my teeth.

A: Who do you go out with at 7 a.m?

B: I go out with my family.

A: What time do you go to bed?

B: I always go to bed before 10 p.m?

A: What TV programmes does your dad watch in the evening?

B: He usually watches news at 7 p.m.

A: When do you do your homework?

B: I often do my homework after dinner.

A: How often does your mum relax?

B: She always relax every night.

A: Where do you go in summer vacation?

B: I and my family normally visit my grandparents.

*Dịch*

A: Bạn luôn làm gì vào buổi sáng?

B: Tôi luôn thức dậy và đánh răng.

A: Bạn đi chơi với ai lúc 7 giờ sáng?

B: Tôi đi chơi với gia đình.

A: Máy giờ bạn đi ngủ?

B: Tôi luôn đi ngủ trước 10 giờ tối?

A: Những chương trình truyền hình nào mà bố bạn xem vào buổi tối?

B: Bố thường xem tin tức lúc 7 giờ tối.

A: Khi nào bạn làm bài tập về nhà?

B: Tôi thường làm bài tập về nhà sau bữa tối.

A: Mẹ bạn thư giãn bao lâu một lần?

B: Mẹ luôn thư giãn mỗi đêm.

A: Bạn đi đâu trong kỳ nghỉ hè?

B: Tôi và gia đình tôi thường đến thăm ông bà của tôi.

## **Finished?**

**Write six questions for an interview with your favourite celebrity. Then act out your interview with a partner.** (Hoàn thành bài học? Viết 6 câu hỏi cho buổi phỏng vấn người nổi tiếng mà em yêu thích. Sau đó diễn lại buổi phỏng vấn với bạn.)

## **Trả lời**

1. A: Hello, AMee. When do you get up in the morning?

B: I usually get up very late at about 11 a.m.

A: How often do you have your breakfast with your family?

B: Well, I never have breakfast at home.

A: Where do you work?

B: I sometimes work in my studio and sometimes on stages.

A: Where do you usually have lunch?

B: I usually have lunch at my studio with my colleagues.

A: What do you think of your career as a singer?

B: Well, I love it very much.

A: Who do you usually sing with on stages?

B: Well, I often sing alone, but sometimes I sing with many other famous singers.

## **Dịch**

A: Xin chào Mỹ Tâm. Buổi sáng bạn thức dậy khi nào?

B: Tôi thường dậy rất muộn vào khoảng 11 giờ sáng.

A: Bạn thường ăn sáng với gia đình như thế nào?

B: Chà, tôi không bao giờ ăn sáng ở nhà.



A: Bạn làm việc ở đâu?

B: Đôi khi tôi làm việc trong phòng thu của tôi và đôi khi trên sân khấu.

A: Bạn thường ăn trưa ở đâu?

B: Tôi thường ăn trưa tại phòng thu của mình với các đồng nghiệp.

A: Bạn nghĩ gì về sự nghiệp ca sĩ của mình?

B: À, tôi yêu nó rất nhiều.

A: Bạn thường hát với ai trên sân khấu?

B: À, tôi thường hát một mình, nhưng đôi khi tôi hát với nhiều ca sĩ nổi tiếng khác.

2. Interviewer: Thank you for taking some time off from your busy schedule to answer a few questions about your life!

Tom: It's my pleasure.

Interviewer: Could you tell us about an average day in your life?

Tom: Sure. I get up early, at 7 in the morning, then I have breakfast. After breakfast, I go to the gym.

Interviewer: Are you studying anything now?

Tom: Yes, I'm learning dialogue for a new film called "The Man About Town".

Interviewer: What do you do in the afternoon?

Tom: First I have lunch, then I go to the studio and shoot some scenes.

Interviewer: Which scene are you working on today?

Tom: I'm acting out a scene about an angry lover.

Interviewer: That's very interesting. What do you do in the evening?

Tom: In the evening, I go home and have dinner and study my scripts.

Interviewer: Do you go out at night?

Tom: Not always, I like going out at weekends.

*Dịch*

PV: Cảm ơn bạn đã bớt chút thời gian ra khỏi lịch trình bận rộn của mình để trả lời một vài câu hỏi về cuộc sống của bạn!

Tom: Đó là niềm vui của tôi.

PV: Bạn có thể cho chúng tôi biết về một ngày bình thường trong cuộc đời của bạn?

Tom: Chắc chắn rồi. Tôi dậy sớm, vào lúc 7 giờ sáng, sau đó tôi ăn sáng. Sau khi ăn sáng, tôi đi đến phòng tập thể dục.

PV: Bạn có đang học gì không?

Tom: Vâng, tôi đang học lời thoại cho một bộ phim mới tên là "The Man About Town".

PV: Bạn làm gì vào buổi chiều?

Tom: Đầu tiên tôi ăn trưa, sau đó tôi đến trường quay và quay một số cảnh.

PV: Bạn đang làm cảnh nào hôm nay?

Tom: Tôi đang diễn một cảnh về một người yêu đang giận dữ.

PV: Điều đó rất thú vị. Bạn làm gì vào buổi tối?

Tom: Vào buổi tối, tôi về nhà ăn tối và nghiên cứu kịch bản của mình.

PV: Bạn có đi chơi đêm không?

Tom: Không phải lúc nào, tôi thích đi chơi vào cuối tuần.

-/-

**Giải bài tập Tiếng Anh 6 Unit 2 Language focus 2 sách Chân trời sáng tạo** do Đọc tài liệu tổng hợp, hi vọng sẽ giúp các em học tốt môn Tiếng Anh 6 thật thú vị và dễ dàng.